

THANHPHAT EQUIPMENT

KEY FOR DEVELOPMENT

THIẾT BỊ CẢM BIẾN

ĐO MỨC - LƯU LƯỢNG - NHIỆT ĐỘ - ÁP SUẤT

APLISENS[®]

 Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội, VN

 <http://samic.com.vn/>

 sales@thanhphat-jsc.vn

 096 2042 688



Cảm biến áp suất thông minh APC-2000ALW phòng nổ

APLISENS

Cảm biến áp suất APC-2000ALW được áp dụng để đo áp suất với độ chính xác cao, đáp ứng tiêu chuẩn phòng cháy nổ

- Chuẩn truyền thông: PROFIBUS PA
- Tín hiệu ra: 4...20mA, 0...20mA, hoặc 0...5mA + chuẩn truyền thông HART
- Có thể cài đặt đơn vị đo, dải đo, độ trôi điểm zero với các phím tích hợp trên màn hình.
- Hiển thị gồm 5 số, cỡ chữ lớn dễ quan sát giá trị đo trên màn hình
- Tiêu chuẩn phòng chống cháy nổ: ATEX Ex ia / Ex d
- Đáp ứng tiêu chuẩn an toàn SIL 2: IEC 61508/61511
- Đáp ứng tiêu chuẩn DNV về ứng dụng trong môi trường khí hậu biển
- Tiêu chuẩn chất lượng: PED conformity (97/23/EC)
- Độ chính xác cao: 0.075% (0.05% option)
- Đáp ứng tiêu chuẩn: MID 2004/22/WE và OIML R140:2007

MÀNG CẢM BIẾN ĐƯỢC MẠ VÀNG

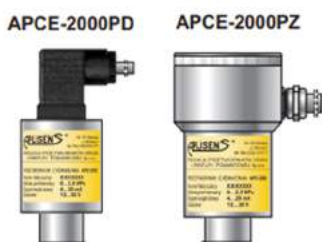


ĐO ÁP SUẤT

Cảm biến áp suất thông minh APCE-2000

Cảm biến áp suất APCE-2000 được áp dụng để đo áp suất với độ chính xác cao, đáp ứng tiêu chuẩn phòng cháy nổ

- Cấp bảo vệ: IP65
- Vỏ bảo vệ 304SS
- Độ chính xác cao: 0.1%
- Dải đo: -1~0;...1000bar
- Mànng cảm biến được mạ vàng
- Kết nối điện DIN EN 175301-803
- Tín hiệu ra: 4...20mA + chuẩn truyền thông HART
- Tiêu chuẩn phòng chống cháy nổ: ATEX Ex ia / Ex d
- Thiết bị điện tử được bọc trong một lớp gel silicon bảo vệ



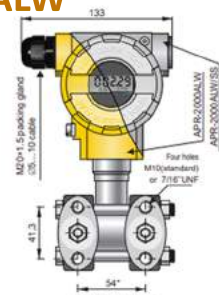
Cảm biến áp suất thông minh AS

- Cấp bảo vệ: IP65
- Độ chính xác: 0.4%
- Tín hiệu ra: 4...20mA
- Dải đo: 0 ÷ 1; 0 ÷ 2,5; 0 ÷ 6; 0 ÷ 10; 0 ÷ 16; 0 ÷ 25 bar
- Có thể cài đặt đơn vị đo, dải đo, độ trôi điểm zero
- Tiêu chuẩn phòng chống cháy nổ: ATEX Ex ia / Ex d



Cảm biến chênh áp APR-2000ALW

- Hiển thị với đèn nền
- Độ chính xác cao: 0.075%
- Mànng chắn mạ vàng
- Dải đo: -0,5~0 bar; ...70 bar
- Giới hạn áp suất tĩnh lên đến 700bar
- Có thể cài đặt dải đo, độ trôi điểm zero với các phím tích hợp trên màn hình.
- Tiêu chuẩn phòng chống cháy nổ: ATEX Ex ia / Ex d
- Đáp ứng tiêu chuẩn an toàn SIL 2/3: IEC 61508/61511
- Đáp ứng tiêu chuẩn DNV về ứng dụng trong môi trường biển
- Vật liệu bộ phận tiếp xúc với môi chất: Thép không rỉ 316L, Hastelloy C276 hoặc vàng



Cảm biến áp suất thông minh PCE-28.smart

- Cấp bảo vệ: IP65
- Truyền thông Modbus RTU
- Độ chính xác cao: 0.1%
- Dải đo: -1~0;...1000bar
- Tín hiệu ra: 4...20mA + chuẩn truyền thông HART
- Tiêu chuẩn phòng chống cháy nổ: ATEX Ex ia / Ex d



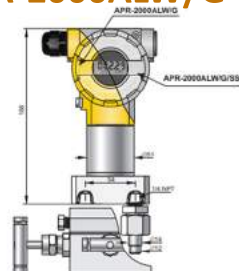
Cảm biến áp suất thông minh PCE-28

- Cấp bảo vệ: IP65
- Mànng ngăn mạ vàng
- Độ chính xác cao: 0.2%
- Chứng chỉ hàng hải - DNV, BV
- Dải đo: 0 ... 25 mbar đến 0 ... 1000 bar
- Tín hiệu ra: 4 ÷ 20 mA hai dây hoặc đầu ra 0 ÷ 10 V + HART
- Tiêu chuẩn phòng chống cháy nổ: ATEX Ex ia / Ex d



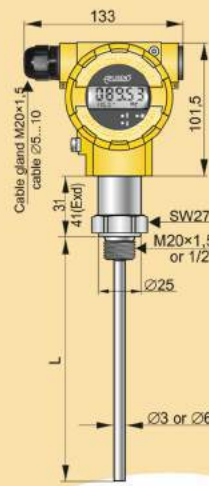
Cảm biến chênh áp dải đo thấp APR-2000ALW/G

- Hiển thị với đèn nền
- Độ chính xác cao: 0.1%
- Dải đo: -100~100mbar; 0~25mbar
- Có thể cài đặt dải đo, độ trôi điểm zero với các phím tích hợp trên màn hình.
- Tiêu chuẩn phòng chống cháy nổ: ATEX Ex ia / Ex d
- Đáp ứng tiêu chuẩn an toàn SIL 2/3: IEC 61508/61511

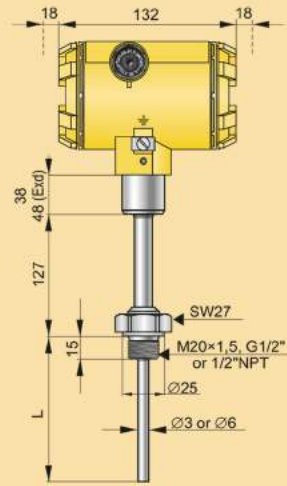


Cảm biến nhiệt độ **APT-2000** phòng nổ

- Sai số:
 - Pt100 sensor: $\pm (0.2 + 0.002 \cdot |t|)$ °C
 - Type K: ± 1.5 °C; TC: $\pm (0.004 \cdot t)$ °C
- Thang đo: -200...550°C
- Tín hiệu: 4-20mA + HART
- Có thể cài đặt đơn vị đo, dải đo, độ trôi điểm zero với các phím tích hợp trên màn hình.
- Hiển thị gồm 5 số, cỡ chữ lớn để quan sát giá trị đo trên màn hình
- Độ ổn định dài hạn <0,2% / 5 năm
- Chiều dài điện cực: 150 ... 290mm
- Nguồn điện 13,5...45VDC
- Phạm vi nhiệt độ hoạt động -25 ... 55 °C
- Chuẩn: ATEX, IECEx, MID, OIML



APT-2000ALW/GB



APT-2000ALW/GN

ĐO NHIỆT ĐỘ

Cảm biến nhiệt độ **CP GN1** phòng nổ

- Dải đo:
 - Pt100 sensor: -70...500°C
 - Type K: ± 1.5 °C; -40...550°C
- Vật liệu điện cực: 304 & 316L
- Điện cực: $\Phi 6$ mm + dài ≤ 400 mm
- Chuẩn: ATEX



Cảm biến nhiệt độ **LI-24ALW** phòng nổ

- Dải đo (Pt,J,...): -20...1700°C (250...1800°C)
- Nguồn cấp: 13,5...55 VDC (Ex 13,5...30 VDC)
- Tín hiệu báo động 3,75mA / 21,5mA có thể tùy chỉnh
- Tín hiệu: 4-20mA + HART
- Sai số: 0.05% FSO
- Chuẩn: ATEX

Cảm biến nhiệt độ **CT x** phòng nổ

- Dải đo (Pt,J): -50...1000°C
- Vật liệu điện cực: 316 Inconel 600
- Điện cực: $\Phi 1.5-8$, $L \leq 3000$ mm
- Chuẩn: ATEX



Bộ chuyển đổi tín hiệu **ATX-2** phòng nổ

- Kiểu đầu vào: Pt, Ni
- Phạm vi tùy chỉnh
- Đầu ra: 4-20mA
- Cấp phòng nổ: 1G Ex ia IIC

Cảm biến nhiệt độ **APT28** phòng nổ

- Kiểu cảm biến: RTD
- Dải đo: -50...140°C
- Vỏ cảm biến: Inox
- Cấp bảo vệ vỏ: IP65



Bộ chuyển đổi tín hiệu **GI-22** phòng nổ

- Kiểu đầu vào: J,L,U,T,E,K,N,S,R,B,Pt,Ni
- Đầu ra: 4-20mA
- Phạm vi tùy chỉnh
- Cấp phòng nổ: 1G Ex ia IIC

Cảm biến nhiệt độ **CT C1,2,3** phòng nổ

- Dải đo (K,S,B): -40...1700°C
- Vật liệu điện cực: sứ C610, 799
- Điện cực: $\Phi 6...24$, $L \leq 1400$ mm
- Chuẩn phòng nổ: ATEX



Bộ chuyển đổi tín hiệu **ATL**

- Kiểu đầu vào: Pt100i, Ni100
- Đầu ra: 4-20mA
- Sai số: $\pm 0,1\% / 10$ °C
- Nguồn cấp: 6~29VDC

Cảm biến nhiệt độ **CP-AI** phòng nổ

- Dải đo (Pt,J/K): -200...550°C
- Vật liệu điện cực: 304 & 316L
- Tín hiệu ra: 2, 3, 4 dây
- Đường kính điện cực: $\Phi 6$, 8mm
- Chiều dài điện cực: ≤ 90 mm
- Chuẩn phòng nổ: ATEX



Bộ chuyển đổi tín hiệu **LI-24/Ex**

- Kiểu đầu vào: K,J,S,B,...;Pt10~Pt1000
- Đầu ra: 4-20mA +HART
- Nguồn cấp: 14~30VDC
- Cấp phòng nổ: Ex ia IIC/Exia I

Công cụ giao thức Hart **KAP-03Ex**

- Cấp phòng nổ: II 2G Ex ia IIC T4 Gb



Cảm biến đo mức thông minh APC-2000ALW phòng nổ

Cảm biến đo mức thông minh APC-2000ALW/L để đo mức chất lỏng trong bể chứa, giếng sâu
Đầu dò APC-2000ALW / L được áp dụng để đo mức chất lỏng có chứa chất gây ô nhiễm hoặc huyền phù.
Sử dụng đo mức chất thải lỏng trong các trạm bơm trung gian, buồng lên men, bể lắng, v.v ...

- Dải đo: 0~25 m
- Sai số phép đo: $\leq 0,16\%$ FSO
- Có thể cài đặt đơn vị đo, dải đo, độ trôi điểm zero với các phím tích hợp trên màn hình.
- Tín hiệu ra: 4...20mA + chuẩn truyền thông HART
- Hiển thị gồm 5 số, cỡ chữ lớn dễ quan sát giá trị đo trên màn hình
- Sai số nhiệt $< \pm 0,1\%$ (FSO) / 10°C (tối đa $\pm 0,4\%$ trong toàn bộ dải bù nhiệt)
- Nguồn cấp: 10,5~30VDC
- Chiều dài cáp tín hiệu max: 25m
- Cấp phòng nổ: Ex ia IIC



ĐO MỨC PHÒNG NỔ

Cảm biến đo mức SGE-25 phòng nổ

- Dải đo 1 đến 500 m H2O
- Sai số: $\leq 0,1\%$ FSO
- Tín hiệu ra: 4-20 m A + HART
- Cấp phòng nổ: Ex ia IIC/ Exia I

Cảm biến đo mức SGE-25S phòng nổ

- Dải đo 1 đến 500 m H2O
- Sai số: $0,25\sim 1\%$ FSO
- Tín hiệu ra: 4-20 m A + HART
- Cấp phòng nổ: Ex ia IIC/ Exia I

Cảm biến đo mức SGE-25.smart

- Dải đo 0 đến 100 m H2O
- Có thể cài đặt đơn vị đo, dải đo, độ trôi điểm zero
- Sai số: $\leq 0,1\%$ FSO
- Tín hiệu ra: 4-20 m A + HART
- Chuẩn: ATEX, DNV

Cảm biến đo mức SGE-25/hastelloy

- Dải đo 2 đến 20 m H2O
- Bộ phận tiếp xúc môi chất được làm bằng hợp kim niken
- Sai số: $\leq 0,2\%$ FSO
- Tín hiệu ra: 4-20 m A
- Chuẩn: ATEX, DNV

Cảm biến đo mức SGE-25.Modbus

- Sai số nhiệt : $< \pm 0,1\%$ (FSO) / 10°C (tối đa $\pm 0,4\%$ (FSO) trong toàn bộ phạm vi)
- Sai số: $\leq \pm 0,1\%$
- Tín hiệu ra: 4-20 m A
- Truyền thông RS485/Modbus RTU
- Chuẩn: ATEX, DNV

Cảm biến đo mức APC-2000ALW/P

- Dải đo: 0~3 m / Sai số: $\leq 0,1\%$
- Tín hiệu ra: 4-20 m A + HART
- Vật liệu vỏ: Nhôm đúc SS316
- Điện cực đo: inox 316
- Nhiệt độ môi chất lên tới 260°C
- Nguồn cấp: 10~55VDC
- Cấp phòng nổ: Ex ia I/IIc

Cảm biến đo mức SGE-25 phòng nổ

- Dải đo 0...6000 mm H2O
- Sai số: $\leq 0,16\%$ FSO
- Tín hiệu ra: 4-20 m A + HART
- Cấp phòng nổ: ATEX, IECEx

Công tắc báo mức ERH-01 phòng nổ

- Độ ổn định sai số: 15%
- Độ đặc dung dịch: $0,60\text{ g/cm}^3$
- Áp suất vận hành tối đa: 0.2 MPa
- Dùng được cho có tạp và không tạp chất

Công tắc báo mức ERH-Xx-20 phòng nổ

- Độ ổn định sai số: 15%
- Độ đặc dung dịch: $0,70\text{ g/cm}^3$
- Áp suất vận hành tối đa: 1,0 MPa
- Dùng được cho có tạp và không tạp chất

Công tắc báo mức ERH-Xx-20 phòng nổ

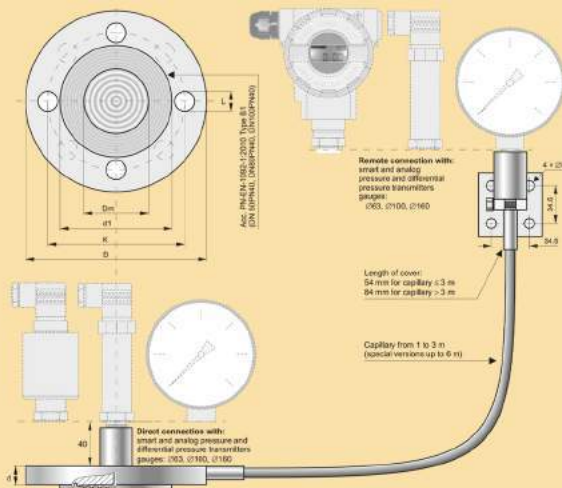
- Mức doa động: 15mm
- Độ đặc dung dịch: $0,70\text{ g/cm}^3$
- Áp suất vận hành tối đa: 4,0 MPa
- Chuẩn: IP68, ATEX

Màng S-P cho cảm biến áp suất



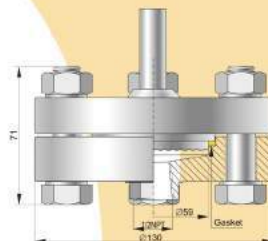
Màng cho cảm biến áp suất được sử dụng khi đo áp suất các môi chất có tính ăn mòn cao, màng ngăn giữa thiết bị cảm biến và môi chất, có nhiệm vụ truyền tín hiệu áp suất đến thiết bị đo.

- Đường kính màng: Dm(59/89mm); D(150...230mm)
- Màng lắp bích
- Sai số: lắp trực tiếp 0.4mbar; qua cap 2m 1...3 mbar
- Phạm vi đo tối thiểu: 0,025...0,1bar; qua cap 2m 0,25...1 bar
- Áp suất làm việc: PN40 (40bar)



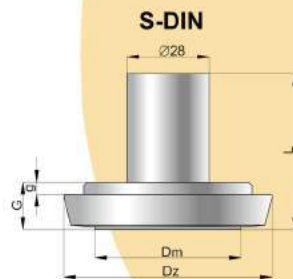
Màng S-comp 10M nổi ren

- Đường kính màng: 130mm
- Độ dày màng: 71mm
- Màng nổi ren
- Cổng kết nối: 1/2 NPT



Màng S-DIN cho ngành thực phẩm, mỹ phẩm

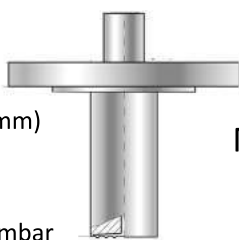
- Đường kính màng: 44...100 mm
- Chiều dài màng: 42,7...52,3 mm
- Màng lắp bích
- Áp suất làm việc: PN40 (40bar)



PHỤ KIỆN CẢM BIẾN

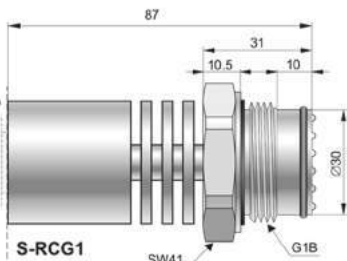
Màng S-T có ống cho cảm biến áp suất

- Đường kính màng: Dm(48/75/89mm); D(150...230mm)
- Chiều dài ống: 50/100/150/200
- Màng lắp bích
- Sai số: lắp trực tiếp 0.4...2mbar; qua cap 2m 1...10 mbar
- Phạm vi đo tối thiểu: 0,1bar; qua cap 2m 0,25...6 bar
- Áp suất làm việc: PN40 (40bar)



Màng SRC nổi ren có bộ tản nhiệt

- Đường kính màng: 30 mm
- Chiều dài màng: 87 mm
- Màng nổi ren
- Sai số: 10...60mbar
- Phạm vi đo tối thiểu: 0.4 bar
- Áp suất làm việc: PN40 (40bar)



Cụm 3/5 van phân phối VM-3 (VM-5)

- Vật liệu: Thép không gỉ 316SS
- Trọng lượng: VM-3 1,8 kg; VM-5 2,54 kg
- Kết nối: 1/2" NPT
- Áp suất tối đa: 420 bar



Bộ cách ly tín hiệu ZSP-41/1

- Tín hiệu đầu vào: 0 ... 20 mA/4 ... 20 mA/0 ... 10 V
- Tín hiệu đầu ra: 0 ... 20 mA/4 ... 20 mA/0 ... 10 V
- Chịu tải: 0...500 Ω
- Dải truyền: 5 Hz (3 dB)
- Điện áp cung cấp: 24 V \pm 20%
- Độ chính xác: $\leq \pm 0,16\%$
- Phòng nổ: Ex I (M1) [Ex ia] I



Bộ nguồn ZL-25-01

- Điện áp đầu vào 230 V, 50 Hz ($\pm 10\%$)
- Cấp bảo vệ: IP20
- Điện áp đầu ra 2x24 VDC $\pm 1,2$ V DC
- Dòng tải tối đa 2 x 50 mA
- Thông số cường độ 1,5 kVAC, 50 Hz, 1 phút
- Khả năng chống đoản mạch và điện áp quá mức vĩnh viễn

Máy ghi dữ liệu PMS-90R

- Tín hiệu đầu vào U/I, RTD/TC
- Nguồn điện 19 - 50V DC, 85 - 260V AC
- Công suất tiêu thụ tối đa 12 VA
- Truyền thông: RS-485 (Modbus RTU)
- Tốc độ truyền 115 200bit / giây.
- Dung lượng bộ nhớ 8 MB



Bộ cách ly tín hiệu ZS-30Ex1

- Tín hiệu đầu vào: 4 ... 20 mA
- Tín hiệu đầu ra: 0 ... 20 mA / 4 ... 20 mA / 0...5V / 0...10 V
- Chịu tải: 0...500 Ω
- Cấp bảo vệ: IP20
- Điện áp cung cấp: 230 V AC $\pm 10\%$
- Độ chính xác: $\leq \pm 0,1\%$
- Phòng nổ: Ex I (M1) [Ex ia] I



Build Your DREAM With Us!



Thiết bị đo lưu lượng PEM 1000



Thiết bị đo lưu lượng dùng để đo hai chiều chất lỏng có độ dẫn điện tối thiểu $\geq 5 \mu\text{S/cm}$:

- Axit, kiềm •
- Sơn •
- Bột nhão •
- Nước, nước thải, v.v. •

- Cổng: DN10...DN1000
- Dải đo rộng: $0 \div 1 \dots 8000 \text{m}^3/\text{h}$
- Sai số: $\pm 0.5\%$ ($20 \sim 100\% Q_{\text{max}}$)
 $\pm 0.2\%$ bản đặc biệt
- Đầu ra: 4-20mA
- Truyền thông: RS485, Modbus
- Cấp bảo vệ: IP67/IP68
- Màn hình LCD
- Áp suất tối đa: 1,6MPa (2,5MPa, 4MPa)
- Tiêu chuẩn cấp kết nối: 8m
- Vật liệu điện cực 316L (Hastelloy / Tantalum)
- Vật liệu ống chảy 321



PEM-1000ALW



PEM-1000NW

MÀN HIỂN THỊ



Bộ điều khiển hiển thị WW-11N

- Tín hiệu đầu vào 4 ...20 mA
- Phạm vi hiển thị -999... 9999
- Sụt áp: 6.54V
- Lỗi hiển thị 0,2%
- Cấp bảo vệ: IP65
- Nhiệt độ hoạt động -30... 50 ° C

Bộ điều khiển hiển thị WW-30

- Tín hiệu đầu vào:
4 ...20 mA, 0..20mA
0..5V, 1..5V, 0..10V, 2..10V, Pt100
- Phạm vi hiển thị -999... 9999
- Màn hình: LED 4x13mm(red)
- Nguồn cấp: 230V AC $\pm 10\%$ /1,5VA
- Lỗi hiển thị $\pm 0,25\% \pm 1$ digit
- Nhiệt độ hoạt động 0...50°C



Bộ điều khiển hiển thị WW-11ALW

- Tín hiệu đầu vào 4 ...20 mA
- Phạm vi hiển thị -99999... 99999
- Sụt áp: 3V
- Lỗi hiển thị $0,2\% \pm 1$ chữ số
- Cấp bảo vệ: IP66/67
- Cấp phòng nổ: II 2G Ex ia IIC T4 Gb



Bộ điều khiển hiển thị PMS-970T

- Tín hiệu đầu vào: 0/4...20 mA or 0...10 V
- Phạm vi hiển thị -999... 9999
- Ngõ ra Rơ-le: $4 \times 1 \text{A}/250 \text{V AC}$, NO
- Nguồn cấp: 20..250 V AC / DC
- Lỗi hiển thị $\pm 0,1\%$
- Nhiệt độ hoạt động -20... 50 ° C
- Cấp bảo vệ: IP65





ĐỒNG HỒ NHIỆT

Áp kế đo áp suất khí oxy **SP408**



1. Dải đo: -1~0; ...1000 bar
2. Cấp chính xác: Class1
3. Vật liệu vỏ và chân nối: inox
4. Đường kính mặt: Φ 100; 150mm
5. Cấp phòng nổ: II 2G/D

Đồng hồ đo nhiệt độ **ST375**



1. Dải đo: -80~60; ...600°C
2. Cấp chính xác: Class 0.6
3. Vật liệu vỏ SS304, chân nối SS316
4. Chân đứng, mặt: Φ 100; 150mm
5. Cấp phòng nổ: II 2G/D

Đồng hồ đo nhiệt độ **BT392**



1. Dải đo: -50~60; ...600°C
2. Cấp chính xác: Class 1
3. Đường kính mặt: Φ 80; ... 150mm
4. Mặt có thể xoay 270°
5. Cấp phòng nổ: II 2G/D

Công tắc nhiệt độ **411T**



1. Dải đo: -200~0; ...700°C
2. Cấp chính xác: $\pm 1\%$ F.S
3. Đường kính mặt: Φ 100; 150mm
4. Ống mao dẫn 8~12mm dài 10m
5. 1 hoặc 2 đóng cắt NC hoặc NO

Đồng hồ đo áp kế

Áp kế xăng dầu phòng nổ **SP208**



1. Dải đo:
 - Áp suất âm: -1÷0; 0.6; ...1.5bar
 - Áp suất dương: 0÷1; 6; 10; 25; ...1000bar
2. Vật liệu vỏ và chân nối: inox
3. Đường kính: Φ 63; 100; ...; 250mm
4. Cấp phòng nổ: ATEX II 2G/D

Đồng hồ đo chênh áp **DP460**



1. Dải chênh áp: 40mbar; ...0.5bar
2. Áp suất tĩnh: 10bar
3. Vật liệu vỏ và chân nối: inox
4. Đường kính mặt: Φ 100; 150mm
5. Cấp phòng nổ: II 2G/D

Áp kế có màng phòng nổ **MP319**



1. Dải đo: -1÷0; 1; 6; 10...25 bar
2. Đường kính: Φ 100; ...; 260mm
3. Vật liệu vỏ và chân nối: inox
4. Đường kính mặt: Φ 100; 150mm
5. Cấp phòng nổ: II 2G/D

Công tắc áp suất phòng nổ



1. Dải đo: 0÷0.1; 1; ...10Mpa
2. Vật liệu vỏ: nhôm đúc
3. Tiếp điểm: 1 2 tiếp điểm NC, NO
4. Cấp bảo vệ: IP65
5. Cấp phòng nổ: ATEX Exd IIC T6



MÀN HIỂN THỊ

Bộ điều khiển hiển thị **WW-11N**



- Tín hiệu đầu vào 4 ...20 mA
- Phạm vi hiển thị -999... 9999
- Sụt áp: 6.54V
- Lỗi hiển thị 0,2%
- Cấp bảo vệ: IP65
- Nhiệt độ hoạt động -30... 50 °C

Bộ điều khiển hiển thị **WW-30**



- Tín hiệu đầu vào:
4 ...20 mA, 0..20mA
0..5V, 1..5V, 0..10V, 2..10V, Pt100
- Phạm vi hiển thị -999... 9999
- Màn hình: LED 4x13mm(red)
- Nguồn cấp: 230V AC \pm 10%/1,5VA
- Lỗi hiển thị \pm 0,25% \pm 1 digit
- Nhiệt độ hoạt động 0...50°C

Bộ điều khiển hiển thị **PMS-970T**



- Tín hiệu đầu vào: 0/4...20 mA or 0...10 V
- Phạm vi hiển thị -999... 9999
- Ngõ ra Rơ-le: 4 x 1 A/250 V AC, NO
- Nguồn cấp: 20..250 V AC / DC
- Lỗi hiển thị \pm 0,1%
- Nhiệt độ hoạt động -20... 50 °C
- Cấp bảo vệ: IP65

Thiết bị đo lưu lượng **PEM 1000**

Thiết bị đo lưu lượng dùng để đo hai chiều chất lỏng có độ dẫn điện tối thiểu $\geq 5 \mu\text{S/cm}$:



- Axit, kiềm •
- Sơn •
- Bột nhão •
- Nước, nước thải, v.v. •

- Cổng: DN10...DN1000
- Dài đo rộng: 0÷1...8000m³/h
- Sai số: \pm 0.5% (20~100%Qmax)
 \pm 0.2% bản đặc biệt
- Đầu ra: 4-20mA
- Truyền thông: RS485, Modbus
- Cấp bảo vệ: IP67/IP68
- Màn hình LCD
- Áp suất tối đa: 1,6MPa (2,5MPa, 4MPa)
- Tiêu chuẩn cáp kết nối: 8m
- Vật liệu điện cực 316L (Hastelloy / Tantalum)
- Vật liệu ống chảy 321



PEM-1000ALW



PEM-1000NW



Bộ điều khiển hiển thị **WW-11AIW**

- Tín hiệu đầu vào 4 ...20 mA
- Phạm vi hiển thị -99999... 99999
- Sụt áp: 3V
- Lỗi hiển thị 0,2% \pm 1 chữ số
- Cấp bảo vệ: IP66/67
- Cấp phòng nổ: II 2G Ex ia IIC T4 Gb

Công ty CP Công nghệ & Thiết bị

THÀNH PHÁT

☎ 096 2042 688

✉ sales@thanhphat-jsc.vn

🌐 <http://samic.com.vn/>

📍 Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội, VN



SCAN ME